

Bản án số: 456/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2024
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HN, ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1975.

Trú tại: tổ F, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Quách Thanh P, sinh năm 1977; hiện trú tại khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang làm đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền lập ngày 15/02/2023

Bị đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1972.

Trú tại: tổ F, ấp Á, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị R, sinh năm 1961 (con ông P1, bà N1).

- Nguyễn Thị R1, sinh năm 1963 (con ông P1, bà N1).
- Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970 (con ông P1, bà N1).

Cùng trú tại: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1970. (con ông P1, bà N1).

Trú tại: khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 (con ông P1, bà N1).

Trú tại: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (con ông P1, bà N1).

Trú tại: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978. (con ông P1, bà N1).

Trú tại: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1967.

Trú tại: tổ F, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

(Ông P, ông L, người làm chứng bà T2 có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, các biên bản hòa giải, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N do ông Quách Thanh P đại diện trình bày:

Bà N, ông L là vợ chồng, khi còn sống chung ông L, bà N có tạo lập được nhiều tài sản trong có căn nhà, nhà kho gắn liền với phần đất thổ cư, diện tích 183m², thửa số 122, 123 tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho vợ chồng ông L, bà N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC ngày 07/8/2009, đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc xã T huyện P, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống ông L gây nợ nần nhiều lần bà N đứng ra trả nợ thay làm cho kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Để có thể duy trì cuộc sống hằng ngày và có tiền nuôi hai con. Ngày 04/8/2012 bà N, ông L lập tờ thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng, nội dung tờ thỏa thuận bà N được hưởng 01 căn nhà sàn gỗ, ngang 8m, dài 10m và nhà kho ngang 4,5m dài 10m gắn liền nền đất thổ cư, diện tích 183m², thửa số 122, 123 tờ bản đồ số 06 do ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà N, ông L đứng tên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC ngày 07/8/2009. Đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Ông L được hưởng 01 xe mô tô nhãn hiệu Atila, biển số 67L2-6116.

Về nghĩa vụ bà N chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động kinh doanh mua bán, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tự chịu trách nhiệm về các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

Ông L không chịu trách nhiệm bất cứ khoản nợ phải thu, nợ phải trả phát sinh đối với hoạt động kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Kể từ ngày ký vào tờ thỏa thuận ông L tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ do

ông L gây ra, bà N không chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của ông L gây ra.

Ngày 22/4/2020 Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N, ông L được ly hôn, giao con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Mặc dù ông L, bà N thỏa thuận chia tài sản chung vào năm 2012 nhưng đến năm 2020, ông L luôn tìm cách né tránh không thực hiện việc chuyển quyền cho bà N.

Nay ông P đại diện bà N yêu cầu công nhận cho bà N 01 căn nhà sàn gỗ ngang 8m, dài 10m, 01 nhà kho ngang 4,5m, dài 10m gắn liền phần đất có diện tích 183m², thửa số 122, 123 tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho vợ chồng ông L, bà N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC ngày 07/8/2009.

Bị đơn ông Trần Thanh L trình bày:

Chữ ký tên và ghi họ tên Trần Thanh L trong tờ thỏa thuận ngày 04/8/2012 là chữ ký của ông L, ngoài tờ thỏa thuận bà N cung cấp cho Tòa không còn tờ thỏa thuận nào khác, tôi L lập tờ thỏa thuận cho bà N lúc đó tôi làm ăn gây nợ nần, kinh tế gặp nhiều khó khăn, sợ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của gia đình, dính pháp luật dẫn đến tù tội nên lập tờ thỏa thuận để lại tài sản chung cho bà N, ngoài tài sản nhà đất tranh chấp không còn tài sản nào khác. Tại thời điểm lập tờ thỏa thuận thì không có còn nợ ai khác. Thống nhất giá của hội đồng định giá của Tòa án, không yêu cầu định giá lại. Nay, tôi không đồng ý sang tên cho bà N, chỉ đồng ý để lại phần tài sản chung cho hai con.

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N do ông P đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận 01 căn nhà sàn gỗ ngang 8m, dài 10m, 01 nhà kho ngang 4,5m, dài 10m gắn liền phần đất có diện tích 183m², thửa số 122, 123 tờ bản đồ số 06 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho vợ chồng ông L, bà N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC ngày 07/8/2009 thuộc quyền sở hữu một mình bà N, không đồng ý chia đôi, số liệu cụ thể do văn phòng đăng ký đất thể hiện. Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà N đang giữ không vay ở tổ chức tín dụng hay ngân hàng nào. Chỉ yêu cầu Tòa án công nhận tài sản thuộc sở hữu bà N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông L không đồng ý theo ý kiến bà N, ông L lập tờ thỏa thuận 04/8/2012 chủ yếu để lại tài sản cho con, hoàn toàn không có việc giao toàn bộ tài sản do vợ chồng tạo lập cho một mình bà N.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: lời khai bà Trần Thị T3, ông Đặng Văn H3 trình bày, bà T3 là em ruột ông L, ông H3 là anh rể ông L, ông, bà có ký tên

trong tờ thoả thuận cho bà **N** nhưng tờ thoả thuận viết tay, không đánh máy, nội dung tờ thoả thuận viết tay là phần tài sản chung của bà **N**, ông **L** để lại cho con, không để lại cho bà **N**, chữ ký tên, ghi họ tên **Trần Văn B** là cha ruột ông **L**, bà **T3** hiện tại ông **B** đã chết. Do ông **L**, bà **T3**, ông **H3** thường xuyên đi làm xa xin được vắng mặt trong các lần Toà án mời làm việc, hoà giải, công bố chứng cứ cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Đối với phần đất lấn qua các thửa 43, 44 ông **L**, bà **N** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

Về các công trình kiến trúc trên đất thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá ngày 11/5/2023 của Hội đồng định giá. Giá trị toàn bộ khối tài sản tranh chấp là 1.246.870.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thúy N** đối với bị đơn ông **Trần Thanh L**. Về án phí và chi phí tố tụng bà **Nguyễn Thị Thúy N** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà **Nguyễn Thị Thúy N** yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với ông **Trần Thanh L** theo “Tờ thoả thuận ngày 04/8/2012” và bị đơn ông **L** có nơi cư trú tại **huyện P, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nguyên đơn bà **N** uỷ quyền cho ông **Quách Thanh P** làm đại diện về yêu cầu chia phần tài sản chung sau khi ly hôn là thực hiện đúng theo quy định tại điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị R**, **Nguyễn Thị R1**, **Nguyễn Thanh H**, **Nguyễn Thị M**, **Nguyễn Thị H1**, **Nguyễn Thị T**, **Nguyễn Thị T1** và ông **Nguyễn Xuân H2** có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Tại bản án số 124/2020/HNGĐ-ST ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thúy N, ông Trần Thanh L ly hôn, bà N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Như vậy, bản án trên không giải quyết vấn đề tài sản chung giữa bà N và ông L, nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N và ông L cùng xác định căn nhà và nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 183m², thửa 122, 123, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 07/8/2009 cho ông L và bà N là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xác định căn nhà và nhà kho gắn liền với quyền sử dụng đất như trên là tài sản chung của bà N và ông L trong thời kỳ hôn nhân.

Theo nội dung Tờ thỏa thuận ngày 04/8/2012 “bà N được hưởng 01 căn nhà sàn gỗ, ngang 8m, dài 10m và nhà kho ngang 4,5m, dài 10m gắn liền nền đất thổ cư, diện tích 183m², thửa 122, 123, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 07/8/2009 do ông L và bà N đứng tên, đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Ông L được hưởng 01 xe mô tô nhãn hiệu Atila, biển số 67L2-6116.

Về nghĩa vụ: Bà N tự chịu trách nhiệm về tất cả các hoạt động kinh doanh mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, tự chịu các khoản nợ phải thu, phải trả.

Ông L không phải chịu trách nhiệm bất kỳ khoản nợ phải thu, phải trả phát sinh từ hoạt động kinh doanh mua bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật. Kể từ ngày ký vào tờ thỏa thuận, ông L tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ do mình gây ra, bà N không chịu bất cứ khoản nợ nào của ông L. Mặc khác ông L cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tên tại Tờ thỏa thuận trên là do ông ký và tự nguyện viết tên. Nội dung tại tờ thỏa thuận đã thể hiện ý chí thỏa thuận phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, tờ thỏa thuận trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa bà N và ông L, mặc dù ông L trình bày sợ gây nợ nần, kinh tế gặp nhiều khó khăn, sợ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của gia đình, dính pháp luật dẫn đến tù tội nên lập tờ thỏa thuận nhưng tại thời điểm xác lập tờ thỏa thuận trên cả hai bên đều xác định không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba. Mặt khác, từ năm 2012 đến nay bà N là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần nhà kho trên, ông L cũng không có ý kiến phản đối, ông L cũng đã nhận 01 xe mô tô nhãn hiệu Atila, biển số 67L2-6116 như nội dung tờ thỏa thuận. Do đó, xác định tờ thỏa thuận như trên là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là thỏa thuận hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Từ

những phần tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thì tài sản đang do bà **N** quản lý, hiện trạng cơ bản không có thay đổi so với thời điểm lập tờ thỏa thuận. Quá trình kinh doanh, bà **N** đã tận dụng thêm các khoản không gian trống, thực hiện việc che chắn thêm để làm nơi chứa vật tư phục vụ cho việc kinh doanh nhưng không làm thay đổi kết cấu tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra, không có đương sự tranh chấp nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Đối với việc căn nhà có lấn ranh quá các diện tích đất khác thì do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho đương sự ở vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc 3.398.320 đồng, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thúy N** tự nguyện chịu, không yêu cầu ông **L** trả lại.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 27, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thúy N** đối với bị đơn ông **Trần Thanh L** về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Công nhận tờ thỏa thuận phân chia tài sản giữa bà **Nguyễn Thị Thúy N** và ông **Trần Thanh L** được lập ngày 04/8/2012. Bà **Nguyễn Thị Thúy N** được sở hữu, sử dụng 01 căn nhà sàn gỗ, ngang 8m, dài 10m và nhà kho ngang 4,5m, dài 10m gắn liền nền đất thổ cư, diện tích 183m², thửa 122, 123, tờ bản đồ số 06 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.00810mC do Ủy ban nhân dân huyện **P** cấp ngày 07/8/2009 do ông **Trần Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Thúy N** đứng tên, đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc xã **T**, huyện **P**, tỉnh **An Giang** theo sơ đồ hiện trạng khu đất tại các điểm 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 do Văn phòng đăng ký đất đai **Chi nhánh huyện P** lập ngày 17/5/2023 (Sơ đồ hiện trạng khu đất là một phần của bản án).

Ông **Trần Thanh L** và bà **Nguyễn Thị Thúy N** có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sang tên.

Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc

3.398.320 đồng nguyên đơn bà **N** tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Thúy N** phải chịu 49.406.000 đồng (giá trị tài sản chung được chia) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0005770 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà **N** còn phải nộp thêm 37.406.000 đồng.

Ông **Trần Thanh L** không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo